



VNU Journal of Science: Education Research

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/ER>



Original Article

Enhancing Fundamental Scientific Research Capability of Social Sciences and Humanities Lectures

Ngo Xuan Chinh*

Nguyen Hue University, Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam

Received 01 April 2020

Revised 08 September 2020; Accepted 10 September 2020

Abstract: This paper aims to analyze and clarify current university lecturers' process of researching fundamental issues in social sciences and humanities. Based on the analysis results, the paper proposes solutions for improving the lectures' capability of researching fundamental issues as well as for enhancing the quality of education and training in the future.

Keywords: Solution, enhance, capability, fundamental research, lecturers.

* Corresponding author.

E-mail address: xc77vttl@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4392>

Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay

Ngô Xuân Chính*

*Trường Đại học Nguyễn Huệ, Bộ Quốc phòng,
Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 4 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 9 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt: Cùng với giáo dục và đào tạo, nghiên cứu cơ bản là nhiệm vụ chính trị trung tâm của các nhà trường đại học. Thực tiễn cho thấy, hoạt động nghiên cứu cơ bản cùng với chất lượng đào tạo là một trong hai nhiệm vụ quan trọng đối với các nhà trường đại học. Bài báo này nhằm phân tích làm rõ vấn đề nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản và chất lượng giáo dục đào tạo trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Giải pháp; nâng cao; năng lực; nghiên cứu cơ bản; giảng viên.

1. Đặt vấn đề

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ chính và quan trọng nhất trong các nhà trường đại học hiện nay. Đây là hai hoạt động có mối quan hệ biện chứng với nhau, mang tầm vóc chiến lược của các nhà trường. Trong đó nghiên cứu cơ bản là một phần không thể thiếu của nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu cơ bản và giảng dạy có mối quan hệ hữu cơ với nhau, gắn kết chặt chẽ với nhau và hỗ trợ cho nhau. Nghiên cứu cơ bản sẽ là cơ sở, điều kiện, nền tảng, cung cấp tri thức mang tính mới, nguyên lý gốc cho hoạt động giảng dạy. Ngược lại, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động nghiên cứu cơ bản. Do vậy, việc nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay là vấn đề cần thiết, đáp ứng những yêu cầu về đổi mới công tác giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm nghiên cứu cơ bản

Đối với khái niệm nghiên cứu cơ bản thì có rất nhiều tài liệu đề cập. Trong phân loại nghiên cứu khoa học, UNESCO chia ra 3 loại: Nghiên cứu cơ bản (fundamental research); nghiên cứu ứng dụng (applied research) và triển khai thực nghiệm, gọi tắt là triển khai (experimental development). Nghiên cứu cơ bản được định nghĩa là những nghiên cứu (lý thuyết hoặc thực nghiệm) nhằm tạo ra các tri thức mới về căn nguyên của các sự vật và hiện tượng, chưa có một ứng dụng đặc biệt nào. Nghiên cứu ứng dụng được UNESCO định nghĩa là những nghiên cứu nhằm tạo ra các tri thức mới, nhưng chủ yếu là nhằm vào một mục đích trả lời câu hỏi “nghiên cứu để làm cái gì?” hoặc mục tiêu trả lời câu hỏi “nghiên cứu cái gì?” thực tế đặc biệt nào” [1]. Như vậy, nghiên cứu cơ bản trong các khoa học là những nghiên cứu về bản chất của một sự vật; quá trình diễn biến các sự vật; bản chất các quy luật của tự nhiên, xã hội, con người,...

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: xc77vtll@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4392>

Theo Luật Khoa học và Công nghệ: “Nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy” [2]. Nghiên cứu cơ bản được hiểu là nghiên cứu nền tảng, thông qua quá trình nghiên cứu, xem xét, tìm hiểu, phân tích, khám phá, lý giải nhằm nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc hơn bản chất, quy luật của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Nghiên cứu cơ bản là những hoạt động khoa học nhằm phát hiện các thuộc tính, các mối quan hệ, các quy luật khách quan của sự vật hay hiện tượng. Kết quả của nó biểu hiện ở việc tìm ra các thuộc tính, các hiện tượng mới, các mối quan hệ, các quy luật mới của hiện thực khách quan, xây dựng nên các suy luận lôgic, khái niệm, quan niệm, giả thuyết, lý thuyết mới nhằm phản ánh ngày càng sâu sắc hơn các thuộc tính khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng” [3]. Tiếp cận theo khía cạnh trên có thể hiểu nghiên cứu cơ bản theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng: Nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng, tự nhiên, xã hội và tư duy. Theo đó, bản chất của nghiên cứu cơ bản là nghiên cứu sản sinh tri thức mới, tri thức nền tảng có giá trị làm động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội. Theo nghĩa hẹp: Nghiên cứu cơ bản là nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ nội hàm, bản chất của các nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản trong hệ thống lý luận của một bộ môn khoa học nhất định. Theo góc độ này, nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn là hoạt động nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ bản chất và sự vận động phát triển của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật trong các bộ môn như: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh học,... Như vậy, thực chất của nghiên cứu cơ bản là một loại hình nghiên cứu tập trung chú ý vào các sự kiện cơ bản, tìm hiểu các vấn đề cơ bản, đặt ra các giả thuyết cơ bản nhằm khám phá bản chất sâu xa, phát hiện các quy luật nền tảng của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy; trên cơ sở đó, xây dựng các lý thuyết nền tảng làm

kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới của con người và loài người. Với hướng tiếp cận trên, cho thấy đặc điểm của nghiên cứu cơ bản được thể hiện ở những vấn đề sau:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ bản hay còn gọi là nghiên cứu nền tảng, có tính chất nghiên cứu thuần túy, trả lời các câu hỏi khoa học thuần túy, nó là cái gì? Nghiên cứu cơ bản có thể hiểu theo nghĩa “nhận thức vị nhận thức”, có thể không có tính cấp thiết về thực tiễn. Nghiên cứu cơ bản mang tính “học thuật” cao, tính “hàn lâm” sâu sắc. Còn nghiên cứu ứng dụng trả lời câu hỏi nó là cái gì, để làm gì? Giải quyết vấn đề thực tiễn gì?

Thứ hai, nghiên cứu cơ bản để mở rộng kiến thức đi sâu từ bản chất cấp một, đến bản chất cấp hai, cấp ba và mãi mãi. Động lực nghiên cứu cơ bản chỉ là động lực trí tuệ, xuất phát từ sự đam mê khoa học, không có hợp đồng kinh tế, không có lợi nhuận, có thể rất khó khăn trong đầu tư ngân sách.

Thứ ba, nghiên cứu cơ bản không xác định được thời gian, không có thời hạn hoàn thành. Còn nghiên cứu ứng dụng sẽ xác định thời hạn hoàn thành, thấy được kết quả trong một thời gian nhất định, cũng có thể hàng chục năm. Đồng thời, phải có cơ sở vật chất cho nghiên cứu phù hợp; kết quả nghiên cứu khó được đánh giá ngay hiệu quả của nó (vì nhiều khi không đem lại lợi ích trực tiếp).

Thứ tư, nghiên cứu cơ bản có thể không sử dụng thành tựu khoa học đã có làm cơ sở. Nếu có sử dụng cũng phải được nghiên cứu lại, phát hiện lại. Ví dụ, nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn, nếu có dựa vào kinh điển cũng phải phân tích lại từ gốc gác, phải kế thừa với tính phê phán rất cao. Còn nghiên cứu ứng dụng thì dựa vào cơ sở lý luận, cơ sở khoa học đã có làm căn cứ vận dụng vào thực tiễn.

Thứ năm, nghiên cứu cơ bản là nghiên cứu cái chưa có ai nghiên cứu, hoặc chưa có ai nghiên cứu thành công. Quá trình nghiên cứu cơ bản có thể thành công, có thể không thành công. Cũng như, nghiên cứu cơ bản có ý nghĩa quyết định chi phối đến các loại hình nghiên cứu khác như: nghiên cứu ứng dụng; nghiên cứu triển khai; nghiên cứu dự báo,...

Thứ sáu, không phải ai cũng có khả năng, nghiên cứu cơ bản, theo đó, nghiên cứu cơ bản thường đòi hỏi phải có một đội ngũ các nhà nghiên cứu chuyên sâu sắc sảo, trình độ cao, có bằng cấp, giàu kinh nghiệm và đánh giá kết quả nghiên cứu cơ bản, trước hết phải bằng chính phương pháp tư duy của nhà khoa học, thông qua phương tiện nghiên cứu, lấy “tư duy lôgic” làm tiêu chuẩn chân lý.

Từ những đặc điểm trên, cho thấy, nghiên cứu cơ bản càng sâu sắc sẽ càng làm chín muồi những nghiên cứu ứng dụng, đặt nền tảng cho nghiên cứu ứng dụng tiếp bước. Nghiên cứu cơ bản là cơ sở nền tảng, cung cấp tri thức mới, nguyên lý gốc cho hoạt động giảng dạy. Ngược lại, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động, nghiên cứu cơ bản. Do vậy, có thể khẳng định rằng, cùng với hoạt động giảng dạy, nghiên cứu cơ bản là thước đo năng lực chuyên môn của người giảng viên. Đây chính là sự vận dụng sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; giải quyết mối quan hệ giữa các khoa học, đặc biệt là triết học với các khoa học cụ thể.

2.2. Quan niệm về năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay

Năng lực là thuật ngữ được sử dụng khá phổ biến trong đời sống. Do vai trò quan trọng của năng lực nên vấn đề năng lực đã được nhiều nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo, quản lý quan tâm nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau với những mục đích đề ra khác nhau. Chẳng hạn, với cách tiếp cận của tâm lý học, năng lực là tổng hợp những phẩm chất tâm lý và sinh lý của cá nhân đáp ứng với những yêu cầu của hoạt động nhất định, bảo đảm cho hoạt động ấy nhanh chóng được thành thạo và đạt kết quả cao.

Theo Nguyễn Quang Uẩn thì: năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, bảo đảm cho hoạt động đó có kết quả [4].

Tâm lý học quan niệm, năng lực là “tập hợp các tính chất hay phẩm chất của tâm lý cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong tạo thuận lợi

cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định” [5].

Tiếp cận từ góc nhìn triết học: Năng lực là “Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó”, “là phẩm chất tâm và sinh lý tạo cho con người khả năng hoạt động nào đó với chất lượng cao” [6]. Năng lực là tập hợp các thuộc tính tiềm ẩn bên trong của con người, đóng vai trò là điều kiện bên trong, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định.

Các quan niệm trên đây cho thấy, mỗi lĩnh vực tiếp cận có cách hiểu và diễn đạt khác nhau về năng lực. Song tựu trung lại, các quan niệm đều thống nhất ở chỗ coi năng lực của con người là sản phẩm của sự phát triển xã hội - lịch sử, năng lực bao giờ cũng gắn với con người và hoạt động vật chất của con người, là sản phẩm của nhận thức và hoạt động thực tiễn, là sự thống nhất hữu cơ các yếu tố chủ quan của chủ thể, là khả năng của con người, cộng đồng người trong hoạt động, là điều kiện bảo đảm cho hoạt động đó đạt kết quả cao, kết quả hoạt động của cá nhân hay cộng đồng người là cơ sở đánh giá năng lực của chính cá nhân hay cộng đồng người đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Năng lực của con người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có” [7].

Từ những lý giải trên, năng lực được hiểu theo nghĩa chung nhất là tổng hòa các yếu tố chủ quan của con người hợp thành khả năng, điều kiện nội tại để con người hoạt động đạt được hiệu quả, chất lượng cao trong từng lĩnh vực cụ thể. Năng lực của con người bao gồm cả yếu tố bẩm sinh (yếu tố tự nhiên), đây là yếu tố có vai trò rất quan trọng, nhưng nó mới ở dạng tiềm năng. Tiềm năng đó cần được phát huy, nâng cao và đổi mới, nếu không sẽ mai một. Thông qua hoạt động thực tiễn, trực tiếp là lao động sản xuất làm cho những khả năng tự nhiên của con người phát triển. Bởi chính quá trình hoạt động thực tiễn không những cải tạo tự nhiên, xã hội phục vụ nhu cầu đời sống con người mà còn cải tạo chính bản thân con người, làm cho con người phát triển hoàn thiện hơn. Cùng với sự phát triển của thực tiễn xã hội, các dạng năng lực của con người cũng được nảy

sinh, phát triển vô cùng đa dạng, phong phú. Mỗi năng lực gắn với một loại hoạt động, chẳng hạn: năng lực giao tiếp, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực nghiên cứu khoa học,... Các năng lực này được thể hiện ở những kỹ năng gắn với những hoạt động cụ thể, như: kỹ năng nói, kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu khoa học,... Những quan niệm về năng lực của con người trên đây là cơ sở lý luận quan trọng để tiếp cận làm sáng tỏ năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay.

Từ quan niệm và những phân tích về năng lực, về nghiên cứu cơ bản trên đây, có thể quan niệm: Năng lực nghiên cứu cơ bản là tổng hòa các yếu tố chủ quan của con người được huy động vào việc làm sáng tỏ bản chất và sự vận động phát triển của các nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản trong hệ thống lý luận của một bộ môn khoa học nhất định nhằm phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

Theo đó có thể quan niệm: Năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay là tổng hòa các yếu tố chủ quan của họ, được huy động vào việc phát hiện và làm sáng tỏ bản chất những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong hệ thống lý luận khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu đặt ra của hoạt động giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn.

Như vậy, năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn là khả năng của chủ thể trong hoạt động tìm ra những tri thức mới, bổ sung vào trình độ kiến thức của mình một cách độc lập, sáng tạo. Tuy nhiên, năng lực nghiên cứu cơ bản có đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đặt ra hay không đều phụ thuộc vào năng lực chủ thể của người giảng viên khoa học xã hội và nhân văn. Bởi lẽ, trong mỗi chủ thể đều có năng lực khám phá cái mới và cải tạo thế giới hiện thực, sự cải tạo này phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan của người giảng viên khoa học xã hội và nhân văn như tư chất cá nhân, trình độ tri thức, khả năng tư duy và khả năng sáng tạo.

Tư chất cá nhân: Tư chất bao gồm thể chất và tố chất, đó là các yếu tố về điều kiện sức

khỏe, sự thông minh, linh hoạt, nhanh nhạy, về năng khiếu, tố chất mang tính bẩm sinh, tự nhiên di truyền,... Tư chất là những đặc điểm riêng của cá nhân về giải phẫu sinh lý bẩm sinh của bộ não, của hệ thần kinh, của cơ quan phân tích tạo nên sự khác biệt giữa con người với nhau. Tư chất cá nhân là nền tảng vật chất tự nhiên của các yếu tố chủ quan, yếu tố rất cần thiết cho năng lực nghiên cứu cơ bản. Chính yếu tố này làm cho mỗi chủ thể có năng lực nghiên cứu cơ bản khác nhau.

Ba là, trình độ tri thức: Đây là yếu tố cơ bản, quan trọng cấu thành năng lực nghiên cứu cơ bản của chủ thể giảng viên khoa học xã hội và nhân văn. Trình độ tri thức đó là mức độ nông, sâu về sự hiểu biết, nắm bắt quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và chính bản thân con người. Nói đến trình độ tri thức là nói đến số lượng và chất lượng thông tin mà người giảng viên khoa học xã hội và nhân văn thu nhận và tích lũy được trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn. Trong nghiên cứu cơ bản đòi hỏi người giảng viên khoa học xã hội và nhân văn phải có hệ thống kiến thức về tự nhiên, xã hội, tư duy và kiến thức về lĩnh vực chuyên ngành, khả năng hiểu biết kiến thức liên ngành, dựa trên cơ sở vốn tri thức khoa học của chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động cần thiết với một trình độ tri thức nhất định để chủ thể vận dụng sáng tạo tri thức khoa học vào quá trình nghiên cứu.

Hai là, khả năng tư duy khoa học là phương pháp, cách thức nhận thức thế giới của con người thông qua các công cụ và thao tác của tư duy theo quy luật nhận thức để khám phá bản chất sự vật, hiện tượng, là con đường, biện pháp để hình thành hệ thống tri thức khoa học. Ph.Ăngghen đã chỉ ra: “Chính việc người ta biến đổi giới tự nhiên, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên” [8]. Theo đó, tư duy khoa học của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn chỉ hình thành, phát triển và hoàn thiện trên cơ sở hoạt động thực tiễn; ngược lại hoạt động thực tiễn của họ chỉ đạt hiệu quả cao khi dựa trên cơ sở tư duy khoa học. Như vậy, tư

duy khoa học là trình độ cao của quá trình nhận thức, là sự phản ánh khái quát, gián tiếp sự vật, hiện tượng bằng các khái niệm, phạm trù, phán đoán, suy luận,... nhờ đó mà nhận thức được bản chất, quy luật vận động, biến đổi của hiện thực khách quan.

Bốn là, khả năng sáng tạo là đặc trưng cơ bản của năng lực nghiên cứu cơ bản. Dưới góc độ triết học, sáng tạo là tạo ra cái mới, những giá trị vật chất và tinh thần mới phù hợp với quy luật. Khả năng sáng tạo được biểu hiện ở năng lực khám phá, phát hiện và giải quyết một cách khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn mới nảy sinh. Khả năng sáng tạo không chỉ phản ánh đúng đắn sự vật, hiện tượng mà nó còn tạo ra những tri thức mới, phát hiện ra bản chất mới và dự báo được xu hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng trong tương lai. Khả năng sáng tạo phản ánh tính tích cực, chủ động nghiên cứu của chủ thể trong hoạt động nghiên cứu cơ bản, thể hiện rõ nhất ở tính độc lập, tính nhạy bén, và khả năng phán đoán, suy luận của tư duy lôgic.

Theo quan niệm trên, bước đầu có thể hiểu năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay là khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, cụ thể hóa những vấn đề đó thành nội dung nghiên cứu cơ bản, tổ chức thực hiện nghiên cứu cơ bản có hiệu quả nhằm nâng cao trình độ tri thức, khả năng tư duy và khả năng sáng tạo của giảng viên.

2.3. Hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay

Năng lực nghiên cứu cơ bản gắn với chất lượng giảng dạy là vấn đề có tính quy luật, quy định bản chất, nội dung, phương hướng, động lực trong giáo dục, đào tạo ở các trường đại học. Giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học là lực lượng nòng cốt, là nhân tố quan trọng, trực tiếp truyền thụ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho người học, qua đó nhằm trang bị hệ thống tri thức lý luận, hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, đúng đắn cho đội ngũ sinh

viên của các nhà trường. Năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn luôn là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục và đào tạo của các nhà trường.

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ giảng viên đã nhận thức rõ vị trí vai trò, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu cơ bản. Do đó, đã ý thức được trách nhiệm của mình trong việc tìm tòi, khám phá, đề xuất những vấn đề cần quan tâm có tính chất cập nhật để nghiên cứu đạt chất lượng và hiệu quả cao, vận dụng tri thức vào giảng dạy, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra. Phần lớn giảng viên khoa học xã hội và nhân văn đã xác lập được những tiêu chí của nghiên cứu cơ bản, thấy được sự giống và khác nhau giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Về cơ bản, đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn nhận thức sâu sắc rằng nghiên cứu cơ bản là những nghiên cứu, phát hiện bằng tư duy sáng tạo, có tính lý luận, đòi hỏi phải có sự sáng tạo, khái quát trở thành luận điểm khoa học mang tính phổ biến, để mỗi giảng viên có sự đầu tư thỏa đáng cho nghiên cứu cơ bản trong quá trình thực hiện các thao tác chuyên môn ở mỗi bộ môn chuyên ngành hiện nay. Mỗi giảng viên đều nhận thức rõ nghiên cứu cơ bản có giá trị thiết thực để phục vụ trực tiếp cho giảng dạy những chủ đề mang tính chuyên sâu theo chuyên ngành đảm nhiệm.

Trình độ tri thức của giảng viên ngày càng được nâng lên, đây là điều kiện cần để giảng viên ngày càng hoàn thiện phẩm chất trong nghiên cứu, có thế giới quan khoa học, có phương pháp luận biện chứng duy vật, có kỹ năng và phương pháp tư duy thích hợp, từ đó có thể khẳng định năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên ngày càng được nâng lên. Kết quả khảo sát cho thấy, giảng viên khoa học xã hội và nhân văn các trường đại học đã từng bước nâng cao về trình độ tri thức, phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu cơ bản của các nhà trường. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học ngày càng cao. Theo số liệu thống kê giáo dục

đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng giảng viên có học vị thạc sĩ, tiến sĩ của các trường đại học cả công lập và ngoài công lập năm sau luôn cao hơn năm trước (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê số lượng giảng viên có trình độ sau đại học của các trường đại học hiện nay

| Năm học | 2016 - 2017 | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 |
|---------|-------------|-------------|-------------|
| Tiến sĩ | 16.514 | 20.198 | 21.106 |
| Thạc sĩ | 43.127 | 44.634 | 44.705 |

Nguồn. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Khảo sát tại Trường Đại học Nguyễn Huệ, theo thống kê của Phòng Đào tạo nhà trường, giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở nhà trường (tính đến tháng 02 năm 2020) là 162 giảng viên. Trong đó 100% giảng viên có trình độ đại học và sau đại học, có 02 Phó Giáo sư, 13 Tiến sĩ (tăng 25% so với năm 2009), 100 Thạc sĩ (tăng 45% so với năm 2009) (Bảng 2).

Bảng 2. Thống kê số lượng, chất lượng giảng viên khoa học xã hội và nhân văn

| Năm học | Trình độ theo bậc học | |
|-----------|-----------------------|-------------|
| | Tiến sĩ (%) | Thạc sĩ (%) |
| 2016-2017 | 7 (4,7) | 58 (39,19) |
| 2017-2018 | 10 (6,49) | 67(43,51) |
| 2018-2019 | 15 (9,55) | 76 (48,41) |
| 2019-2020 | 13 (8,02) | 100 (61,73) |

Nguồn. Trường Đại học Nguyễn Huệ.

Quá trình giảng dạy và nghiên cứu cơ bản, hầu hết giảng viên nhận thức đúng mối quan hệ hữu cơ giữa trình độ tri thức và kỹ năng, phương pháp tư duy trong nghiên cứu cơ bản. Từ đó, họ đã chủ động tiếp cận và lĩnh hội, cập nhật các thông tin mới có liên quan tới nhiệm vụ khoa học mà mình đảm nhiệm, đã thể hiện được kỹ năng, phương pháp tư duy trong nghiên cứu, biết tìm hiểu, nghiên cứu, luận giải được các vấn đề có tính khoa học, thể hiện rõ khả năng vận dụng tri thức vào giải quyết đúng đắn các vấn đề thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu đang đặt ra, tự định hướng đúng đắn cho bản thân trong quá trình nghiên cứu, tự đánh giá vốn tri thức và phương pháp, kỹ năng nghiên cứu của bản thân, biết so sánh đối chiếu, áp

dụng lý luận vào thực tiễn, biết khái quát thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm trong suốt quá trình nghiên cứu cơ bản. Quá trình tích lũy tri thức, đồng thời cũng là quá trình giảng viên phát triển kỹ năng, phương pháp nghiên cứu độc lập để tự đổi mới, tự hoàn thiện bản thân, loại bỏ được những nội dung, phương pháp lạc hậu, lỗi thời, không còn phù hợp. Thường xuyên tìm ra các nhiệm vụ chưa được giải quyết trong nhận thức, nâng cao khả năng vận dụng các kỹ năng, phương pháp để phân tích, luận giải các vấn đề một cách đúng đắn, phù hợp, đưa ra các giải pháp thực hiện một cách hiệu quả.

Trong quá trình nghiên cứu cơ bản, đa số giảng viên đã thể hiện sự đổi mới trong cách bố cục cũng như trình bày, diễn đạt. Nhiều đề tài, chuyên đề khoa học đã vượt ra ngoài lối cũ, trình bày các vấn đề một cách lôgic, thể hiện lối tư duy mạch lạc. Giảng viên đã thể hiện rõ mức độ linh hoạt, sáng tạo trong sử dụng các dữ liệu, tiếp nhận tri thức, xử lý thông tin, tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, biến chúng thành tri thức mới; biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác tư duy trong hoạt động nghiên cứu như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát, hệ thống hóa,...; đưa ra những luận cứ, luận chứng và lập luận các vấn đề trong đề tài theo nhiều góc độ khác nhau, có sự định hướng rõ ràng, biết phát hiện ra những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu cơ bản. Từ đó tạo ra những sản phẩm mới có giá trị về lý luận và thực tiễn.

Theo đánh giá của các Hội đồng nghiệm thu đề tài, chuyên đề, sáng kiến, sáng chế hàng năm của các nhà trường, các sản phẩm nghiên cứu của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn cơ bản bảo đảm tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phát triển khoa học trong tình hình mới, góp phần vào công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng các nhà trường đại học, chính quy, tiên tiến. Nhiều giảng viên tham gia vào ban đề tài cấp bộ, cấp ngành, nhà trường và cấp khoa, tham gia nghiên cứu, biên soạn hệ thống tài liệu, giáo trình, tập bài giảng, tham gia giảng dạy và viết bài tham gia hội thảo, viết báo khoa học,... Trong các cuộc hội thảo khoa học, giảng viên đã đưa ra những ý tưởng độc đáo và trình

bày thuyết phục, nhiều bài tham luận đã lý giải sâu sắc các vấn đề lý luận và thực tiễn, đề ra những giải pháp có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu cơ bản của từng trường. Khảo sát tại Trường Đại học Nguyễn Huệ, theo số liệu thống kê của Phòng Khoa học nhà trường, tính từ năm 2016 đến nay đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn đã chủ trì và tham gia nghiên cứu: 01 đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng; 09 đề tài khoa học cấp Ngành; 30 đề tài khoa học cấp Trường; 35 đề tài khoa học cấp Khoa đều đạt kết quả khá và xuất sắc. Tiêu biểu trong số này có các đề tài như “Nâng cao chất lượng tự học của học viên đào tạo đại học ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay” do PGS.TS Nguyễn Văn Thọ làm chủ nhiệm đề tài. Đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo học viên đại học quân sự cơ sở ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay” do TS Phạm Văn Quốc làm chủ nhiệm đề tài, ... biên soạn và xây dựng được 15 loại giáo trình, tài liệu, tập bài giảng phục vụ cho công tác giảng dạy với sự phân cấp rành mạch các đối tượng đào tạo, khắc phục sự trùng lặp nội dung giữa các cấp học, bậc học. 100% giảng viên trong khoa đều có bài báo khoa học đúng theo chỉ tiêu nghiên cứu khoa học từng năm và có trên 50% giảng viên vượt chỉ tiêu về số bài báo (Bảng 3).

Bảng 3. Tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn

| Năm học | Đề tài | | | | Báo khoa học |
|-----------|--------|-----------|------------|----------|--------------|
| | Cấp bộ | Cấp ngành | Cấp trường | Cấp khoa | |
| 2016-2017 | 1 | 2 | 6 | 5 | 53 |
| 2017-2018 | | 2 | 8 | 8 | 65 |
| 2018-2019 | | 2 | 7 | 9 | 97 |
| 2019-2020 | | 3 | 9 | 13 | 115 |

Nguồn: Phòng KHQS,
Trường Đại học Nguyễn Huệ

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn của các trường đại học còn bộc lộ không ít những hạn chế đó là: Trình độ nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận giảng viên về nghiên cứu cơ bản còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng dạy học. Nhận thức về những nội dung, biện pháp để nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của mình chưa đầy đủ, cho nên mức độ tích lũy tri thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chưa thật toàn diện, mức độ phát hiện vấn đề, mâu thuẫn từ lý luận và thực tiễn chưa đi vào những vấn đề cần giải quyết về lý luận và thực tiễn với tính cách là những vấn đề mới, bất cập cần giải quyết. Một số ít giảng viên chưa nhận thức được trách nhiệm, sứ mệnh nghiên cứu cơ bản của mình, một số thời điểm họ thiếu động cơ phấn đấu, nhu cầu nghiên cứu cơ bản vẫn chưa thực sự trở thành yếu tố bên trong thúc đẩy tính tích cực của họ, họ coi việc nghiên cứu cơ bản như là gánh nặng trách nhiệm, chưa trở thành niềm khát vọng, mong muốn khám phá tri thức mới. Do đó ảnh hưởng đến tư duy độc lập và khả năng sáng tạo của họ trong nghiên cứu cơ bản.

Trình độ tri thức của một số giảng viên còn hạn chế, vốn kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy còn ít dẫn đến hạn chế về năng lực giảng dạy và nghiên cứu cơ bản. Kỹ năng, phương pháp nghiên cứu cơ bản chưa thuần thực, còn sơ cứng, thiếu linh hoạt, sáng tạo, do đó trình độ nắm tri thức, khả năng tái tạo tri thức mới chưa cao; kỹ năng vận dụng lý luận vào giảng dạy và nghiên cứu cơ bản, kỹ năng trong thu nhận, chuyên hóa tri thức vào sản phẩm khoa học của một số giảng viên chưa thật sự nhuần nhuyễn, linh hoạt; khả năng tư duy còn hạn chế, chưa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong lựa chọn đề tài, hướng nghiên cứu, dẫn đến hiệu quả của sản phẩm khoa học còn thấp, tính khả thi chưa cao. Một số giảng viên chỉ tập trung ưu tiên vào công tác giảng dạy mà chưa đầu tư đúng mức vào nhiệm vụ nghiên cứu. Chất lượng một số công trình nghiên cứu cơ bản còn thấp cả trong các đề tài,

tập bài giảng và tài liệu dạy học, biểu hiện như: chưa bám sát định hướng nghiên cứu, thiếu sự cập nhật những tư liệu mới, những vấn đề rút ra chưa toàn diện, nội dung còn trùng lặp giữa các công trình nghiên cứu. Đặc biệt, chưa chỉ rõ được những mâu thuẫn trong lý luận, mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn; chưa phát hiện ra tri thức mới so với tri thức đã có (đặc trưng của nghiên cứu cơ bản). Nhiều đề tài, công trình nghiên cứu chậm thời gian so với kế hoạch.

2.4. Một số giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay

Để nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, các lực lượng trong các nhà trường đại học đối với hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn.

Đây là giải pháp cơ bản, không thể thiếu trong mọi hoạt động của tổ chức, có ý nghĩa quyết định đối với việc giảng dạy và nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay. Bởi lẽ, nhận thức có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động thực tiễn của con người. Chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng thì mới hành động đúng và mang lại hiệu quả cao, nếu nhận thức lệch lạc, thiếu khoa học thì hành động cũng không chuẩn xác, hiệu quả thấp. Do vậy, để nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học thì trước tiên phải nâng cao nhận thức của các tổ chức, các lực lượng đối với vấn đề này. Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên hiện nay liên quan đến trách nhiệm của nhiều tổ chức, nhiều lực lượng bao gồm: các cấp ủy, tổ chức đảng, nhà quản lý giáo dục, các cơ quan chức năng và bản thân đội ngũ giảng viên. Mỗi lực lượng trên có vị trí, vai trò không ngang bằng nhau nhưng đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay.

Trước hết, các cấp ủy Đảng phải nhận thức đúng đắn vị trí ý nghĩa của việc nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên, đưa nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản lên ngang tầm với nhiệm vụ đào tạo, phải có trách nhiệm cao và quyết tâm lớn để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu cơ bản gắn với chất lượng giảng dạy của giảng viên. Cần quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Tập trung quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý”; “Các ngành khoa học và công nghệ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và triển khai đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật” [9]. Như vậy, nhiệm vụ của ngành khoa học xã hội nhân văn phải hướng vào giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của con người Việt Nam. Trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm của hoạt động khoa học trong những năm tới là: phải tạo ra sự chuyển biến mới và toàn diện về hoạt động khoa học, nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, biên soạn, hội thảo, sinh hoạt khoa học, quán triệt và vận dụng nghị quyết đại hội Đảng các cấp vào nghiên cứu khoa học (nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng). Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay, nhằm bồi dưỡng nâng cao phương pháp tư duy nghiên cứu cơ bản giúp họ có cơ sở lý luận để vận dụng vào giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn trong giảng dạy, công tác trên cương vị, chức trách, nhiệm vụ được giao. Đó là những căn cứ quan trọng để thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của tất cả các chủ thể, các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu

khoa học của các nhà trường hiện nay. Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, Ban chủ nhiệm khoa, các cơ quan chủ quản, Ban Giám hiệu các nhà trường trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đóng vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay.

Cấp ủy, Ban Chủ nhiệm các Khoa khoa học Xã hội và Nhân văn cần xác định những chủ trương, xây dựng nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản cho đội ngũ giảng viên của mình, trong những thời điểm quan trọng, cần thiết phải có nghị quyết lãnh đạo chuyên đề. Chủ động lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ chủ nhiệm bộ môn là người trực tiếp tham gia vào tất cả các khâu, các bước trong hoạt động nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên thuộc quyền của mình. Vì vậy, đội ngũ cán bộ Chủ nhiệm Bộ môn phải chú trọng tăng cường việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, xây dựng động cơ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên; lựa chọn nội dung, biện pháp và tổ chức xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của bộ môn mình, nhu cầu và khả năng của từng giảng viên; kết hợp chặt chẽ giữa thực hành nghiên cứu, xây dựng động cơ, trách nhiệm với bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản cho giảng viên. Chủ động xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn với mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, biện pháp, tổ chức lực lượng và chỉ tiêu cụ thể. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo khoa và cơ quan trong nhà trường để tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp, bảo đảm điều kiện vật chất, phương tiện phục vụ cho quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản cho giảng viên. Coi trọng chỉ đạo hoạt động công bố kết quả nghiên cứu, thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế hoạt động khoa học, từ việc thành lập hội đồng

thực nghiệm thu, quy trình nghiệm thu, tiếp thu ý kiến sửa chữa sau nghiệm thu, đến xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ứng dụng đề tài vào thực tiễn giảng dạy của giảng viên.

Đối với đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn, họ vừa là chủ thể, đồng thời cũng là đối tượng chính trong hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản. Do đó, phát huy tính tích cực, chủ động của đội ngũ giảng viên phải được xem là biện pháp cơ bản, hàng đầu, giữ vai trò quyết định. Vì vậy, cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của họ trong quá trình này. Trước hết, giảng viên cần lựa chọn đúng, chính xác vấn đề nghiên cứu phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu cơ bản. Đây là hoạt động nhận thức khoa học đầu tiên quyết định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu. Lựa chọn vấn đề xuất phát từ nhu cầu giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra, phù hợp với chuyên ngành đào tạo, phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu cơ bản của từng trường, không bị trùng lặp với những công trình khoa học đã nghiên cứu. Đối với các bài tham luận, bài báo phải căn cứ vào chủ đề hội thảo, mục đích yêu cầu, nội dung, phạm vi của từng loại báo, tạp chí, thông tin khoa học. Những bài được tuyển chọn, đăng tải trên các báo, tạp chí đòi hỏi hàm lượng khoa học cao, mang tính sáng tạo, độc đáo, có giá trị về lý luận và thực tiễn.

Đối với hội đồng khoa học các cấp không chỉ có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Ban chủ nhiệm khoa trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu cơ bản cho đội ngũ giảng viên mà còn có chức năng tư vấn, thẩm định trong toàn bộ các khâu, các bước của quy trình hoạt động khoa học và là lực lượng quan trọng trong bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay. Kết quả nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên phụ thuộc một phần quan trọng vào hoạt động của Hội đồng khoa học. Vì vậy, cần lựa chọn Hội đồng khoa học gồm những cán bộ có sự am hiểu sâu vấn đề nghiên cứu, có năng lực và kinh nghiệm trong nghiên cứu cơ bản, có trách nhiệm cao, thái độ khách quan, công tâm trong thẩm định, đánh giá công trình. Như vậy, nâng cao nhận thức,

trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn không chỉ là một yêu cầu khách quan mà còn là giải pháp thiết thực, mang ý nghĩa quyết định đến năng lực nghiên cứu cơ bản của họ hiện nay.

Hai là, bồi dưỡng nâng cao tri thức khoa học toàn diện cho đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay

Đây là yếu tố cơ bản trong quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản mà trọng tâm là xây dựng phẩm chất và năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên trên cơ sở phát triển trình độ tri thức, khả năng tư duy và tính sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản. Bồi dưỡng năng lực tri thức khoa học cho giảng viên là nâng cao khả năng nghiên cứu cơ bản của người giảng viên trong quá trình hoạt động nghiên cứu cơ bản; là kết quả chuyển hóa của quá trình học tập chuyển sang tự học tập, tích cực rèn luyện phẩm chất, nhân cách và trình độ nghiên cứu cơ bản. Năng lực của giảng viên được thể hiện ở việc nắm vững tri thức khoa học, đặc biệt tri thức chuyên ngành và tri thức liên ngành, đồng thời có sự hiểu biết về kinh tế - xã hội. Năng lực của giảng viên còn thể hiện ở sản phẩm khoa học và kết quả nghiên cứu cơ bản, đem lại lợi ích thiết thực trong công tác giáo dục và đào tạo của các nhà trường.

Nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn là một loại hình nghiên cứu khoa học chuyên sâu. Nó đòi hỏi người giảng viên phải có cả hệ thống tri thức cơ bản, chuyên sâu những kiến thức thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu của họ. Từ đó giúp họ có khả năng, năng lực tham gia hoạt động nghiên cứu cơ bản. Hoạt động nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn đòi hỏi phải có kiến thức sâu, rộng về nhiều lĩnh vực, có phương pháp, kỹ năng nghiên cứu riêng. Kiến thức sâu, rộng trên mọi lĩnh vực là chìa khóa tiếp cận nghiên cứu cơ bản. Phương pháp nghiên cứu là một bộ phận cấu thành năng lực nghiên cứu. Trong những điều kiện cụ thể, phương pháp nghiên cứu có khi quyết định tới sự thành công hay thất bại của công trình, đề tài

nghiên cứu. Kỹ năng nghiên cứu cũng là yếu tố quan trọng hợp thành năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn. Kỹ năng nghiên cứu giúp chủ thể nghiên cứu cơ bản giải quyết nhanh chóng, chính xác, chất lượng, hiệu quả các vấn đề khoa học do mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài đặt ra.

Do đó, trên cơ sở kiến thức của người giảng viên đã được tích lũy trong quá trình đào tạo, các chủ thể cần tích cực bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm và các nghị quyết của Đảng, coi trọng bồi dưỡng tư duy lý luận, tư duy lôgic, nhạy bén, sắc sảo và linh hoạt, độc lập sáng tạo, thế giới quan khoa học và phương pháp luận duy vật biện chứng, kiến thức chuyên ngành, trọng tâm hướng vào bồi dưỡng kiến thức, phương pháp, kỹ năng cho họ. Bồi dưỡng kiến thức cơ bản, chuyên sâu, gắn với từng chuyên ngành khoa học và rèn luyện phát triển tư duy lý luận, trang bị phương pháp, kỹ năng và tổ chức hoạt động thực hành của họ. Trước hết cần tập trung bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu cơ bản và kiến thức cơ bản, chuyên sâu gắn với từng chuyên ngành cho giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học. Bồi dưỡng cho họ phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp nghiên cứu của các chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn như hệ thống, cấu trúc, lôgic, lịch sử, phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp điều tra xã hội học, phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa và phương pháp thực nghiệm,... Đặc biệt coi trọng bồi dưỡng phương pháp xây dựng khái niệm. Bởi vì, khoa học tồn tại bằng khái niệm: “Khái niệm là một hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, là hình ảnh của thế giới khách quan. Bởi vì, trong hoạt động nhận thức của mình, bất kỳ hoạt động tư duy nào của con người cũng mang đặc trưng tư duy bằng khái niệm; nếu thiếu khái niệm con người không thể tư duy được” [10]. Trong nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn nói riêng, chủ thể nghiên cứu bao giờ cũng đi từ việc xây dựng hình thành các khái niệm để tìm hiểu mối quan hệ giữa các khái niệm với nhau, đến phân biệt

sự vật này với sự vật khác và để đo thuộc tính bản chất của sự vật hay hình thành khái niệm nhằm mục đích xây dựng cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu của mình. Để bồi dưỡng cho giảng viên khoa học xã hội và nhân văn xây dựng khái niệm khoa học đòi hỏi chủ thể bồi dưỡng phải hướng dẫn họ xác định rõ nội hàm và ngoại diên của khái niệm, đồng thời phải tự lựa chọn thuật ngữ để biểu đạt khái niệm đó. Trong mỗi khái niệm, có thể dùng các thuật ngữ tương đương hoặc các thuật ngữ đồng nghĩa. Thuật ngữ được lựa chọn phải mang tính khoa học, trong sáng, diễn đạt chính xác bản chất của sự vật.

Bồi dưỡng, rèn luyện, sử dụng thành thục các kỹ năng nghiên cứu cơ bản như: kỹ năng tiếp xúc với tài liệu, thu thập số liệu; tư duy, kỹ năng viết; kỹ năng khái quát các mệnh đề, luận điểm khoa học; kỹ năng sử dụng tin học phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Bồi dưỡng, rèn luyện phương pháp và kỹ năng nghiên cứu cơ bản cho giảng viên Khoa học xã hội và nhân văn chủ yếu thông qua hoạt động thực tiễn nghiên cứu khoa học của họ như: viết báo, tham gia các công trình, đề tài khoa học, biên soạn giáo án,... từ đó mà nâng cao chất lượng nghiên cứu cơ bản của họ. Bồi dưỡng kỹ năng phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu; thiết lập mối liên hệ của các vấn đề, các mâu thuẫn đặt ra trong vấn đề nghiên cứu; lập luận, giải quyết vấn đề; trình bày một vấn đề nghiên cứu. Bồi dưỡng cả quy trình các bước, các giai đoạn của việc tiến hành nghiên cứu. Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về nghiên cứu cơ bản, trong đó tập trung vào kinh nghiệm trong phát hiện vấn đề nghiên cứu, cách tổng hợp xử lý thông tin; cách giải quyết vấn đề và cách trình bày một vấn đề khoa học cho lôgic, đúng đối tượng và cách tiếp cận của chuyên ngành đào tạo. Tổ chức các đợt sinh hoạt khoa học để giảng viên có nhiều cơ hội được trình bày, trao đổi các vấn đề khoa học, thông qua đó phát triển các kỹ năng nghiên cứu cơ bản và tạo động lực cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

Nâng cao trình độ tri thức khoa học cho giảng viên. Tri thức là yếu tố cơ bản nhất trong các yếu tố cấu thành năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên. Trình độ tri thức khoa học

là cơ sở để giảng viên truyền thụ tri thức cho người học đồng thời là yếu tố xây dựng nhân cách của giảng viên. Do vậy, nâng cao trình độ tri thức khoa học là vấn đề then chốt trong công tác giáo dục đào tạo của các nhà trường. Phải có kế hoạch bồi dưỡng trình độ tri thức khoa học cho giảng viên. Có quy hoạch nguồn cụ thể bảo đảm xen kẽ giữa giảng viên nhiều kinh nghiệm nghiên cứu với giảng viên trẻ, chuyên môn còn hạn chế, tạo ra môi trường học tập lẫn nhau, tích lũy tri thức đáp ứng yêu cầu nghiên cứu cơ bản của giảng viên. Thường xuyên tổ chức các hoạt động bồi dưỡng trình độ tri thức khoa học cho giảng viên như thực hiện nghiên cứu các đề tài cấp khoa, cấp nhà trường, tham gia cùng với các chuyên gia đầu ngành để học hỏi và nâng cao tri thức khoa học. Động viên khuyến khích giảng viên tích cực tự học tập, nghiên cứu cơ bản nâng cao trình độ tri thức góp phần vào quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của mình. Tổ chức các hoạt động khoa học như: Hội thảo; diễn đàn khoa học; học tập phương pháp,... nhằm bồi dưỡng tri thức cho giảng viên, khuyến khích giảng viên học tập, thu nhận tri thức khoa học thông qua các hoạt động trên góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của mình.

Kết hợp các hoạt động nghiên cứu cơ bản với việc giao lưu với các trường đại học trong và ngoài nước tạo điều kiện cho giảng viên học hỏi, nâng cao tri thức khoa học, kinh nghiệm thực tiễn, góp phần mở rộng quan hệ khoa học của các nhà trường với nhau. Liên kết, giao lưu với các trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn thực hiện các đề tài khoa học, các công trình khoa học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu cơ bản và tiếp cận tri thức khoa học mới, trao đổi học hỏi lẫn nhau, tạo điều kiện cho giảng viên nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản toàn diện, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Ba là, phát huy nỗ lực chủ quan của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học trong tự bồi dưỡng rèn luyện nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản.

Đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học vừa là đối tượng vừa là chủ thể của quá trình xây dựng, củng cố động cơ, nâng cao ý thức trách nhiệm, bồi dưỡng

năng lực nghiên cứu cơ bản. Mọi tác động của chủ thể bồi dưỡng từ bên ngoài chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được sự hưởng ứng tích cực của yếu tố chủ quan bên trong của mỗi người giảng viên. Vì vậy, phát huy vai trò tích cực, chủ động tự xây dựng động cơ, ý thức trách nhiệm, năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn hiện nay giữ vai trò hết sức quan trọng.

Nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu cơ bản nói riêng luôn gắn với chủ thể xác định, phụ thuộc trực tiếp vào trạng thái tâm sinh lý, động cơ, tình cảm, ý chí, kinh nghiệm, tri thức, trình độ và phương pháp nhận thức của chủ thể. Dù môi trường xã hội thuận lợi hay khó khăn thì vai trò của người giảng viên vẫn đóng vai trò quyết định trực tiếp đối với việc nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của mình. Do đó, phải xem đây là biện pháp cơ bản, hàng đầu, giữ vai trò quyết định. Vấn đề này bắt đầu từ việc giảng viên phát hiện và xác định vấn đề; lập kế hoạch nghiên cứu (kế hoạch không chỉ trước mắt, trong học kỳ hoặc năm học mà cần có tính dài hạn tùy theo trình độ, năng lực của mình) và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc. Song hành với quá trình đó người giảng viên cần bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của khoa, bám sát và thường xuyên xin ý kiến các chuyên gia, các nhà khoa học có uy tín trong, ngoài nhà trường, trong và ngoài nước để dần tích lũy và nâng tầm nghiên cứu của bản thân, đáp ứng tốt các yêu cầu, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học giai đoạn mới.

Trên cơ sở định hướng, chỉ đạo của các chủ thể, đội ngũ giảng viên cần chủ động xây dựng kế hoạch tự giáo dục, tự bồi dưỡng của cá nhân ngay từ đầu khóa học. Biện pháp cụ thể là tự quán triệt mục tiêu, yêu cầu đào tạo, xác định cho mình mục đích, động cơ nghiên cứu cơ bản, có kế hoạch và chủ động thực hiện kế hoạch tự giáo dục, bồi dưỡng một cách tích cực, thường xuyên, liên tục. Phải biết đối chiếu yêu cầu, năng lực nghiên cứu cơ bản của nhà trường với bản thân mình để tự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện theo những chuẩn mực đã xác định. Thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giúp cho hoạt động tự tu dưỡng, rèn luyện đúng

quy luật, bảo đảm chặt chẽ, khoa học và đạt hiệu quả tốt.

Nghiên cứu cơ bản là công việc rất khó khăn, phức tạp vì vậy việc xác định động cơ nghiên cứu là rất quan trọng. Động cơ đúng đắn như để nâng cao trình độ tri thức, để nâng cao chất lượng bài giảng,... chính là động lực thúc đẩy tính tự giác, kiên trì để mỗi giảng viên chiến thắng sức ỳ của chính mình. Trước hết mỗi giảng viên cần phải tham gia vào các hoạt động nghiên cứu các đề tài mà điểm khởi đầu của nó là việc mạnh dạn đăng ký tham gia đề tài, thực tế đây là vấn đề đang khó vượt qua nhất vì tâm lý chưa thật tự tin khi lựa chọn và trực tiếp thực hiện đề tài. Đây là vấn đề cản trở tính tích cực, tự giác của người nghiên cứu, vì vậy trước hết mỗi giảng viên cần vượt qua rào cản lớn nhất là sức ỳ của chính bản thân. Cần mạnh dạn đăng ký thực hiện đề tài, thực sự bắt tay vào nhiệm vụ nghiên cứu, huy động mọi nguồn lực nội tại, đặc biệt là nguồn lực trí tuệ của chính mình để thực hiện hiệu quả. Để phát huy tính chủ động, tự giác trong tự bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học, cần quan tâm xây dựng khoa, nhà trường thành môi trường nghiên cứu khoa học tích cực, lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự giáo dục, tự bồi dưỡng của người giảng viên. Cần duy trì nghiêm các chế độ quy định, đặc biệt là quy định nghiên cứu khoa học, hạn chế những tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả tự giáo dục, tự bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường đại học.

Quá trình tự bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn phải được kết hợp chặt chẽ với các hoạt động khoa học như viết bài tham luận hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học, viết các báo khoa học, tham gia các đề tài, chuyên đề với quá trình dạy học của người giảng viên. Đấu tranh với các nhận thức lệch lạc, tách rời quá trình tự bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cơ bản với quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của

người giảng viên. Đồng thời phải thường xuyên tự kiểm điểm, đánh giá kết quả việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, tự rút ra những kinh nghiệm, tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch tự bồi dưỡng trong thời gian tiếp theo.

3. Kết luận

Với chủ trương, nhiệm vụ của Đảng, Bộ Giáo dục giao cho các trường đại học trong những năm tới, đặt ra cần phải tập trung đầu tư cho nghiên cứu cơ bản để nâng cao chất lượng giảng dạy cho các đối tượng trong các nhà trường. Điều đó lại càng đặt ra yêu cầu nghiên cứu cơ bản để nâng cao chất lượng chuyên môn của từng chuyên ngành đào tạo ở nhà trường. Nếu chất lượng nghiên cứu cơ bản chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ thì khó có thể nâng cao được chất lượng các hình thức hoạt động khoa học trong các nhà trường. Những vấn đề đặt ra trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học có lẽ cũng là vấn đề chung của các nhà trường hiện nay. Để đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản phục vụ tốt công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng các bài giảng khoa học xã hội và nhân văn, trước hết cần tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, giảng viên; tổ chức nghiên cứu cơ bản có kế hoạch, chất lượng; tăng cường công tác bảo đảm và đưa kết quả nghiên cứu cơ bản vào giảng dạy cho các đối tượng sinh viên với hiệu quả cao, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, xây dựng các nhà trường đại học "hiện đại, chính quy, tiên tiến, mẫu mực" trong tình hình mới.

Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học hiện nay là một đề tài phức tạp, nhưng rất cấp thiết cả về lý luận và

thực tiễn. Trong khuôn khổ của bài viết này tác giả mới bước đầu đặt ra và giải quyết một số vấn đề có tính chất phương pháp luận, những kết quả đạt được chỉ là những khám phá ban đầu, rất mong được sự quan tâm đóng góp của các nhà khoa học để tác giả tiếp tục nghiên cứu sâu sắc và hoàn thiện hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] V.C. Dam, Basic science and basic research, Journal of Scientific Activities 7 (2007) 18-24 (in Vietnamese).
- [2] Law on Science and Technology, Law No. 29/2013/QH13, National Political Publishing House, Hanoi, 2013, pp. 8-9 (in Vietnamese).
- [3] Vietnam Polytechnic Dictionary, Polytechnic Dictionary Publishing House, Hanoi, 2003, pp.116-117 (in Vietnamese).
- [4] N.Q. Uan, General psychology. Hanoi National University Publisher, 2001, pp. 192-195 (in Vietnamese).
- [5] V. Dung, Psychology Dictionary, Social Science Publishing House, Hanoi, 2000 (in Vietnamese).
- [6] Philosophical Dictionary, Truth Publishing House, Hanoi, 1996, pp. 660-661 (in Vietnamese).
- [7] Ho Chi Minh, "Changing the way of working", Ho Chi Minh whole, volume 5, National political publishing house, Hanoi, 2011, pp. 269-346 (in Vietnamese).
- [8] F. Engels (1873 - 1883), "Dialectic of nature", Karl Mark and Friedrich Engels, volume 20, National political publishing house, Hanoi, 2002, pp.451-828 (in Vietnamese).
- [9] Communist Party of Vietnam, Document of the 12th National Congress, Central Office of the Party, Hanoi, 2016, pp. 117-120 (in Vietnamese).
- [10] H.T. Thanh, General logic, Labor Publishing House, Hanoi, 2013, pp. 35-37 (in Vietnamese).